

Số: 2170/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Bổ sung kinh phí cho Sở Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh khóa X ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022-2025 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Căn cứ Quyết định 496/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND tỉnh Ban hành tiêu chí phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở y tế điều trị tuyến tỉnh và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Sở Y tế.

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 02/10/2023 (khoản 7, Thông báo số 308/TB-UBND ngày 05/10/2023), đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 167/TTr-SYT ngày 14/7/2023 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 457/TTr-STC ngày 27/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp kinh phí cho Sở Y tế, số tiền: **28.430.000.000 đồng** (Hai mươi tám tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng), để chi hoạt động thường xuyên cho các cơ sở y tế điều trị tuyến tỉnh và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Sở Y tế, từ các nguồn sau:

- Từ nguồn sự nghiệp y tế năm 2023 đã được HĐND tỉnh thống nhất phân bổ cho Sở Y tế tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh nhưng chưa được UBND tỉnh giao dự toán cho Sở Y tế tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 để thực hiện các Đề án, Kế hoạch về hoạt động chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và các hoạt động khác theo chủ trương của UBND tỉnh: **10.000 triệu đồng**

- Từ nguồn sự nghiệp y tế năm 2023 đã được HĐND tỉnh thống nhất phân bổ cho Sở Y tế tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh nhưng chưa được UBND tỉnh giao dự toán cho Sở Y tế tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 để mua sắm trang thiết bị, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất: **18.430 triệu đồng**.

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Y tế căn cứ nội dung thẩm định của Sở Tài chính tại Tờ trình số 457/TTr-STC ngày 27/9/2023 để quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ tài chính hiện hành, thực hiện các nhiệm vụ chi và thanh, quyết toán theo quy định. Chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định số giường bệnh thực tế của năm (khi kết thúc năm ngân sách) để đề xuất cấp thẩm quyền xử lý nguồn kinh phí theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi, hướng dẫn Sở Y tế thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan có tên tại phụ lục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Quảng Nam

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Dự toán thu năm 2023	Dự toán chi	Trong đó		Tổng số thu còn lại cân đối chi thường xuyên	Tổng nhu cầu kinh phí chi lương và hoạt động thường xuyên	Trong đó		Chênh lệch thiếu	Cấp độ 1
				Thuốc máu hoá chất dịch truyền	Thuốc máu hoá chất dịch truyền tại Trạm			Nhu cầu chi lương trong chỉ tiêu biên chế được giao	Nhu cầu kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo GB/cho con người (60% theo định mức, trừ tiết kiệm 10% CTX)		
A	B	I	2=3+4	3	4	5=I-2	6=7+8	7	8	9	10
	Tổng cộng	286.417	115.343	102.069	13.274	171.074	203.348	140.640	62.708	32.655	28.430
1	Bệnh viện Y học cổ Truyền	21.836	4.163	4.163	-	17.673	19.083	12.414	6.669	1.410	1.270
2	Bệnh viện Sản - Nhi	27.925	9.120	9.120	-	18.805	20.940	13.218	7.722	2.135	1.920
3	BV Phạm Ngọc Thạch	20.182	7.055	7.055	-	13.127	14.576	9.837	4.739	1.449	1.300
4	Bệnh viện Tâm Thần	7.898	2.430	2.430	-	5.468	12.348	8.838	3.510	6.880	6.190
5	Bệnh viện Da liễu	5.734	1.653	1.653	-	4.081	5.093	3.689	1.404	1.012	910
6	Bệnh viện Mắt	7.088	2.952	2.952	-	4.136	4.550	3.146	1.404	414	
7	TTYT TP Tam Kỳ	17.935	7.364	6.976	388	10.571	11.793	8.553	3.240	1.222	1.100
8	TTYT TP Hội An	29.535	18.214	18.214	-	11.321	15.661	11.773	3.888	4.340	3.900
9	TTYT huyện Phú Ninh	15.398	7.333	6.827	506	8.065	7.853	5.423	2.430	-	-
10	TTYT huyện Thăng Bình	30.020	13.925	11.336	2.589	16.095	18.033	13.173	4.860	1.938	1.740
11	TTYT huyện Quế Sơn	24.187	9.203	8.287	916	14.984	17.328	11.982	5.346	2.344	2.110
12	TTYT huyện Nông Sơn	11.139	6.992	6.133	859	4.147	6.989	4.559	2.430	2.842	2.560
13	TTYT huyện Tiên Phước	14.722	7.284	6.240	1.044	7.438	8.733	6.303	2.430	1.295	1.170
14	TTYT huyện Nam Giang	11.710	4.459	3.010	1.449	7.251	9.574	6.658	2.916	2.323	2.090
15	TTYT huyện Phước Sơn	10.411	2.991	2.029	962	7.420	8.331	5.739	2.592	911	820
16	TTYT huyện Bắc Trà My	12.772	4.678	2.822	1.856	8.094	8.113	5.521	2.592	189	-
17	TTYT huyện Nam Trà My	9.065	3.087	1.757	1.330	5.978	6.425	4.481	1.944	447	-
18	TTYT huyện Tây Giang	8.860	2.440	1.065	1.375	6.420	7.925	5.333	2.592	1.505	1.350
			-				-				-